TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HCPT

Ngày 06 tháng 4 năm 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Mai Anh Tài.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 87/2021/TLPT-HC ngày 04 tháng 03 năm 2021, về việc: "Khiếu kiện các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai". Do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 348/2020/HC-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 2374/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

1. Người khởi kiện: Ông Đỗ B, sinh năm 1945; Địa chỉ: thôn N, xã N, huyện C, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện C, thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 102, đường Bắc Sơn, thị trấn C, huyện C, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Đình H, chức vụ: Chủ tịch;

- *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Hoàn Minh H, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Uỷ ban nhân dân xã N, huyện C. Địa chỉ: xã N, huyện C, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trịnh Duy H, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1950. Địa chỉ*:* thôn N, xã N, huyện C, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Khắc T, Phó Giám đốc – Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện; ông Nguyễn Thanh Lãi, Chuyên viên Phòng TN&MT huyện C; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Người khởi kiện ông Đỗ B trình bày và yêu cầu: Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang đường Quốc lộ 6 (đoạn Km 19+920 đến Km22+220), qua địa phận thị trấn C, huyện C. Uỷ ban nhân dân (UBND) Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4940/QĐ-UBND ngày 25-10-2011: "Về việc phê duyệt Hồ sơ chỉ giới đường đỏ Dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường Quốc lộ 6 (đoạn Km 19+920 đến Km 22+220), qua địa phận thị trấn C, huyện C, tỷ lệ 1/500". Ngày 12-12-2011, UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5757/ QĐ-UBND: "Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình. Tên Dự án: Cải tạo,nâng cấp mở rộng và chỉnh trang Quốc lộ 6 - đoạn Km 19+920 đến Km 22+220, qua địa phận thị trấn C, huyện C". Theo Quyết định này, thì chủ đầu tư dự án là UBND huyện C. Ngày 02-11-2011, UBND huyện C đã ban hành Thông báo số 166/TB-UBND, về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án. Theo nội dung thông báo, thì tổng diện tích đất thu hồi khoảng 134.288 m^2 đất thuộc địa bàn thị trấn C, xã N và xã Tiên Phương, huyện C. Ngày 29-3-2012, UBND huyện C ban hành Quyết định số 458/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư thực hiện dự án; Quyết định số 460/QĐ-UBND, về việc Thành lập Tổ công tác số 2 giúp việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư thực hiện dự án. Ngày 28-9-2012, UBND huyện C ban hành Quyết định số 7101/QĐ-UBND, về việc kiện toàn thành viên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án. Căn cứ: Bản đồ hiện trạng giải phóng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được phê duyệt; Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất nằm trong chỉ giới phục vụ công tác GPMB thực hiện Dự án, xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã N. UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 24-5-2018, về việc thu hồi 136,5 m^2 đất của hộ ông Đỗ B đang sử dụng để thực hiện dự án; Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24-5-2018, về việc Phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Đỗ B với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 248.778.261đồng; hộ ông Đỗ B được xét mua một xuất đất tái định cư 30m^2 với hệ số k = 1,3. Hộ ông Đỗ B

đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và nhận đất tái định cư; gia đình đã bàn giao đất để GPMB thực hiện dự án. Ngày 25-9-2018, ông Đỗ B đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu: Đề nghị huỷ Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 24-5-2018, về việc thu hồi đất và Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24-5-2018, về việc Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện C đối với hộ ông Đỗ B. Căn cứ khởi kiện là: Đất của gia đình bị thu hồi có nguồn gốc do ông, cha để lại; diện tích đất bị thu hồi là 219,5m^2 chứ không phải 136,5m^2 như Quyết định thu hồi đất; Căn cứ để xác định thửa đất đủ điều kiện được bồi thường là: Bản đồ địa chính lập năm 1966; kết quả đo đạc thực tế ngày 19-4-2018 do Trung tâm phát triển quỹ đất thuê Công ty TNHH địa chính Nguyễn Long thực hiện, xác nhận làm chứng của những người cao tuổi từng làm lãnh đạo UBND xã N; Theo quy định tại Điều 75, Điều 82 Luật Đất đai 2013 và khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, thì gia đình ông đủ điều kiện được bồi thường về đất và được hưởng tái định cư bằng đất ở; Tài sản trên đất được xây dựng hợp lệ, nên đủ điều kiện để được bồi thường bằng 100% giá trị xây dựng chứ không phải 50% theo phương án bồi thường; Khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ thì còn thiếu khoản hỗ trợ, gồm: Hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ di chuyển và thuê nhà tạm cư; hỗ trợ bàn giao mặt bằng.

2. Đại diện của người bị kiện trình bày và đề nghị: Căn cứ Quyết định số 4940/QĐ-UBND ngày 25-10-2011; Quyết định số 5757/QĐ-UBND ngày 12-12-2011 của UBND thành phố Hà Nội, về việc Phê duyệt chỉ giới đường đỏ và Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang Quốc lộ 6 (đoạn Km 19+920 đến Km22+220), qua địa phận thị trấn C, huyện C. Ngày 02-11-2011, UBND huyện đã ban hành Thông báo số 166/TB-UBND, về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án. Căn cứ quy định tại Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29-3-2017 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31-3-2017 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 6276/QĐ-UBND ngày 07-9-2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội, về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ B. Ngày 24-5-2018, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 3004/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất 136,5m^2 đất của hộ ông Đỗ B, Quyết định số 3013/QĐ-UBND, về việc Phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Đỗ B với số tiền là 248.778.261đồng; phê duyệt cho hộ ông Đỗ B được mua một xuất đất tái định cư 30m^2 với hệ số k = 1,3. Việc UBND huyện C ban hành Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 24-5-2018 , về việc thu hồi đất 136,5m^2 đất của hộ ông Đỗ B; Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24-5-2018, về việc Phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án

chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Đỗ B là hoàn toàn đúng pháp luật, phù hợp quy định tại Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai; khoản 4 Điều 21, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, bởi: Theo Bản đồ giải phóng mặt bằng dự án, thì toàn bộ diện tích đất hộ ông Đỗ B bị thu hồi 136,5m^2 là đất thuộc hành lang giao thông đường Quốc lộ 6, được quy định tại Nghị định 203-HĐBT ngày 21-12-1982 của Hội đồng Bộ trưởng; Ông Đỗ B không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất bị thu hồi; Theo xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã Ngọc Hòa, thì đất hộ gia đình ông Đỗ B sử dụng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai 2013, gia đình sử dụng đất trồng cây từ năm 1984; thời điểm sau năm 1984 đến trước 15-10-1993, gia đình tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang xây dựng nhà ở. Năm 1995, hộ ông Bổng tiếp tục sửa chữa và xây dựng trên đất hành lang Quốc lộ 6, đã được Đoàn kiểm tra của huyện và UBND xã Ngọc Hòa lập biên bản vi phạm là gia đình tự lấn chiếm phần phản áp. UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 27-3-1995, về việc bốc dỡ lều quán, các công trình xây dựng trái phép vi phạm luật đất đai và chỉ giới giao thông đường bộ đối với hộ ông Đỗ B; Quá trình kê khai việc sử dụng đất của các hộ gia đình năm 1994 tại địa phương, thì hộ ông Đỗ B không kê khai phần diện tích đất này; Về Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Căn cứ Giấy xác nhận về việc sử dụng đất, các tài sản gắn liền với đất trong phạm vi thực hiện dự án của UBND xã Ngọc Hòa lập ngày 05-10-2017 và quy định tại các Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai 2013, UBND huyện C xác định phần diện tích đất thu hồi của hộ ông Đỗ B không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ, không thỏa mãn quy định tại khoản 4 Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, nên không được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất; công trình gia đình ông Bổng xây dựng trên đất trước ngày 15-10-1993 đã bị lập biên bản vi phạm chỉ được hỗ trợ 10%; phần xây dựng sau 15-10-1993 đến trước năm 2000 không bị lập biên bản vi phạm, thì chỉ được xét hỗ trợ tối đa bằng 50% giá trị xây dựng là thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29-3-2017 của UBND thành phố Hà Nội; Chính sách hỗ trợ khác: Do đất bị thu hồi không đủ điều kiện được bồi thường, nên gia đình ông Đỗ B không được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Về tái định cư: Do hộ ông Đỗ B không có chỗ ở khác, nên được UBND huyện xét bố trí đất tái định cư là 30m^2 x hệ số k = 1,3 và gia đình đã nhận đất. Như vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Đỗ B đã được đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ B là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ B.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Đại diện UBND xã Ngọc Hòa có quan điểm: Theo Bản đồ hiện trạng tỷ

lệ 1/500, được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phê duyệt tháng 9-2012 phục vụ GPMB thực hiện dự án, hộ ông Đỗ B sử dụng diện tích đất 136,5 m^2 thuộc thửa số 12, tờ Bản đồ số 05 nằm trong chỉ giới GPMB, trong đó: 72,1 m^2 thuộc chỉ giới 17,5m và 64,4 m^2 thuộc chỉ giới từ 17,5m đến 28m tính từ tim đường. Quá trình triển khai thực hiện dự án, UBND xã Ngọc Hòa đã căn cứ hồ sơ địa chính lưu trữ tại UBND xã, kết quả xác minh để xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Đỗ B, cụ thể: Ngày 20-3-2013, UBND xã có Báo cáo nguồn gốc đất đai, theo đó xác định diện tích 136,5m^2 đất của hộ gia đình ông Đỗ B sử dụng bị thu hồi thực hiện dự án có nguồn gốc là loại đất vườn do cha ông để lại, sử dụng từ năm 1981; Ngày 04-10-2016, UBND xã có Báo cáo số 86/BC-UBND, theo đó đã xác nhận về nguồn gốc đất hộ ông Đỗ B sử dụng bị thu hồi, cụ thể: Bản đồ lập năm 1966 thì UBND xã không lưu giữ; Bản đồ giải thửa lập năm 1984, thì phần diện tích đất bị thu hồi nằm trong phần diện tích đất 7.904 m^2 thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 3 xã Ngọc Hòa là đất công do UBND xã quản lý. Tại tờ khai thuế sử dụng đất năm 1994, thì hộ ông Bổng không kê khai phần diện tích đất này; Sổ bộ thuế lập năm 1993, thì hộ ông Đỗ B có tên trong sổ nộp thuế nhà đất diện tích 665m^2, trong đó có 200m^2 đất ở và 465m^2 đất vườn phù hợp với tờ khai thuế được ông Bổng khai, ký tên ngày 26-02-1994 và được thể hiện là thửa 38, diện tích 572 m^2 tại Bản đồ giải thửa lập năm 1984; Năm 1995, hộ ông Đỗ B bị Đoàn kiểm tra của huyện và UBND xã N lập biên bản xác định lấn, chiếm và sử dụng đất hành lang giao thông. Do đó, UBND xã đã xác định: Việc xác nhận đất hộ ông Đỗ B bị thu hồi tại Báo cáo nguồn gốc đất đai lập ngày 20-3-2013 của UBND xã Ngọc Hòa: "Đất vườn do ông cha để lại, sử dụng năm 1981", là chưa chính xác; Ngày 05-10-2017, UBND xã Ngọc Hòa đã có Giấy xác nhận về việc sử dụng đất, các tài sản gắn liền với đất trong phạm vi thực hiện dự án đối với hộ ông Đỗ B, để UBND huyện làm căn cứ ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, theo đó đã xác nhận: Toàn bộ diện tích đất 136,5 m^2 hộ gia đình ông Đỗ B sử dụng là đất hành lang lưu không Quốc lộ 6.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thi có quan điểm: Ông Đỗ B có toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 348/2020/HC-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã quyết định: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 157, Điều 158, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74, Điều 75, khoản 4 Điều 82, Điều 100, Điều 101 và Điều 102 Luật Đất đai năm 2013. Điều 22, Điều 28 và Điều 29 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương. Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại 2011. Điều 18, Điều 20, khoản 4 Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 25, Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 14

Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 và các Điều 5, Điều 7, khoản 2, khoản 3 Điều 14 Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29-3-2017 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ B đề nghị Toà án hủy các Quyết định của UBND huyện C, gồm: Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 24-5-2018 về việc thu hồi đất và Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24-5-2018, về việc Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Đỗ B. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đỗ B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị giải quyết lại vụ án đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của ông Đỗ B.

Người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Đỗ B và giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 348/2020/HC-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt theo khoản 4 Điều 255 Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Đỗ B trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền khởi kiện: Ngày 25-9-2018, ông Đỗ B khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 3004/QĐ-UBND và Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24-5-2018 của UBND huyện C, về việc thu hồi đất và Phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Đây là

quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai quy định tại khoản 6 Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định bị khởi kiện: Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang Quốc lộ 6 (đoạn từ Km 19+920 đến Km 22+220) thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; các Điều 62, Điều 63, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai 2013. Việc UBND huyện C ban hành hành Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 24-5-2018, về việc thu hồi đất; Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24-5-2018, về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Đỗ B là đúng thẩm quyền, đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Người khởi kiện nhất trí với chủ trương thu hồi đất, không thắc mắc về thẩm quyền cũng như về trình tự, thủ tục khi UBND huyện C ban hành các quyết định nêu trên.

[4]. Về căn cứ ban hành các quyết định bị khởi kiện:

[4.1]. Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 24-5-2018: Ông Đỗ B xác định diện tích đất bị thu hồi là 219,5m^2 không phải 136,5 m^2 như nội dung Quyết định thu hồi đất; đất có nguồn gốc là do ông cha để lại không phải đất công thuộc hành lanh giao thông, căn cứ chứng minh: Đất do gia đình ông Đỗ B sử dụng từ năm 1981 và thửa đất được thể hiện tại Bản đồ lập năm 1966 là thửa số 19, loại đất vườn được gia đình sử dụng trước khi có Nghị định số 203-HĐBT ngày 21-12-1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ; nhiều người cao tuổi từng làm lãnh đạo UBND xã Ngọc Hòa xác nhận là đất có nguồn gốc do cha ông để lại; khi mở đường trước đó đã được cán bộ đo đạc đánh dấu sơn cách vị trí tim đường 08m. Xét các căn cứ ông Đỗ B chứng minh, khi triển khai thực hiện dự án thì hộ gia đình ông Đỗ B vẫn đang sử dụng đất theo đúng hiện trạng. Căn cứ Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất do Tổ công tác số 2 huyện C thực hiện lập ngày 02-10-2012 thể hiện: Diện tích đất hộ ông Đỗ B bị thu hồi thực hiện dự án theo Bản đồ tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt là 136,5m^2; toàn bộ công trình, tài sản trên đất đã được Tổ công tác kiểm đếm, thống kê đầy đủ và ông Đỗ B đã ký xác nhận vào Biên bản lập ngày 02-10-2012. Do vậy, ông Đỗ B căn cứ bản đo vẽ được lập ngày 19-4-2018 theo chỉ dẫn mốc giới của ông Đỗ B để xác định diện tích đất bị thu hồi tại dự án 219,5m^2 là không có cơ sở. Căn cứ hồ sơ địa chính lưu giữ tại địa phương, gồm Bản đồ lập các năm 1966 và năm 1984; bản kê khai nộp thuế sử dụng đất, thì không có căn cứ xác định hộ ông Đỗ B là chủ sử dụng hợp pháp đối với phần diện tích đất bị thu hồi thực hiện dự án, thể hiện: Ông Đỗ B không đưa ra được căn cứ xác lập quyền sử dụng đất để xác nhận là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa

đất số 19, tờ bản đồ lập năm 1966; không có căn cứ xác định thửa đất số 19 này có diện tích là bao nhiêu m^2 và ai là chủ sử dụng; quá trình kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và nộp thuế sử dụng đất tại xã Ngọc Hòa được thực hiện năm 1993 và năm 1994, hộ ông Đỗ B cũng không kê khai phần diện tích đất này. Quá trình sử dụng đất, năm 1995 hộ ông Đỗ B đã bị Tổ công tác của UBND huyện C và UBND xã Ngọc Hòa lập biên bản vi phạm do có hành vi lấn, chiếm sử dụng đất hành lang giao thông đường bộ, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 27-3-1995 về việc bốc dỡ lều quán, các công trình xây dựng trái phép vi phạm luật đất đai và chỉ giới giao thông đường bộ đối với hộ ông Đỗ B; ông Đỗ B đã ký tên vào biên bản vi phạm, đồng thời cam kết sẽ tự tháo dỡ công trình khi nhà nước thu hồi đất. Thực tế, đến thời điểm thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp mở rông và chỉnh trang Quốc lộ 6 năm 2012, toàn bộ diện tích đất 136,5m^2 hộ gia đình ông Đỗ B sử dụng nằm trong dự án đều là đất thuộc hành lang giao thông đường bộ theo Nghị định số 203-HĐBT ngày 21-12-1982 của Hội dồng Bộ trưởng, hộ ông Đỗ B cũng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất bị thu hồi. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ B đề nghị hủy Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 24-5-2018 của UBND huyện C, về việc thu hồi đất là có căn cứ.

[4.2]. Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24-5-2018: Về bồi thường, hỗ trợ về đất, căn cứ quy định tại Điều 75 và khoản 4 Điều 82 Luật đất đai năm 2013, thì hộ gia đình ông Đỗ B không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 136,5m^2 đất bị thu hồi tại dự án, vì hộ ông Bổng không có bất cứ giấy tờ gì làm căn cứ xác lập quyền sử dụng đất, hoặc chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất bị thu hồi theo quy định tại các Điều 100, Điều 101, Điều 102 Luật Đất đai 2013 và các Điều 18, Điều 20, Điều 22, Điều 23, Điều 25, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Việc xác nhận của một số người cao tuổi từng công tác tại xã Ngọc Hòa cũng không đủ căn cứ xác định đất hộ ông Bổng sử dụng bị thu hồi có nguồn gốc do ông cha để lại và cũng không là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, thì cũng không thuộc trường hợp áp dụng đối với hộ ông Đỗ B, vì tại thời điểm thu hồi đất thực hiện dự án, thửa đất không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), do vi phạm hành lang giao thông đường bộ theo Nghị định số 203-HĐBT ngày 21-12-1982 của Hội đồng Bộ trưởng; không có xác nhận của UBND xã nơi có đất bị thu hồi xác định thời điểm sử dụng đất ổn định thỏa mãn quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; hộ ông Đỗ B đã bị lập biên bản vi phạm sử dụng đất hành lang đường bộ vào tháng 3-1995; mặt khác, ông Đỗ B cũng không xuất trình được bất cứ giấy tờ gì liên quan đến diện tích đất bị thu hồi thoả mãn quy định tại Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, nên không đủ điều kiện được bồi thường khi nhà nước thu hồi

đất. Về tái định cư, mặc dù đất của hộ gia đình ông Đỗ B bị thu hồi không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất; tuy nhiên, sau khi bị thu hồi đất thì gia đình ông Đỗ B không có chỗ ăn ở sinh hoạt nào khác, nên UBND huyện C đã xét cho hộ ông Bổng được mua 01 xuất đất tái định cư, với diện tích 30m^2 là đảm bảo quyền lợi cho hộ ông Đỗ B theo quy định. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ B đề nghị hủy Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24-5-2018 của UBND huyện C là có căn cứ.

[5]. Đối với Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 25-4-2016 và Văn bản số 1752/ UBND-GPMB ngày 18-11-2016 của UBND huyện C; Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 của Chủ tịch UBND huyện C, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 6276/QĐ-UBND ngày 07-9-2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội, về việc giải quyết khiếu nại lần hai, cụ thể: Ngày 25-4-2016, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 3036/ QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Đỗ B với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 407.766.360đồng; không phê duyệt chính sách tái định cư. Ông Đỗ B đã có đơn kiến nghị gửi tới UBND huyện C đề nghị được bồi thường về đất và được hưởng chính sách tái định cư, vì cho rằng diện tích đất 136,5m^2 gia đình bị thu hồi có nguồn gốc do ông cha để lại. Sau khi tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, thì UBND huyện C ban hành Văn bản số 1752/ UBND-GPMB ngày 18-11-2016 trả lời ông Bổng, với nội dung: Không chấp nhận kiến nghị của ông Đỗ B yêu cầu được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

Do ông Đỗ B có khiếu nại đối với văn bản số 1752/UBND-GPMB ngày 18-11-2016 nêu trên, nên Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 có nội dung: Giữ nguyên Văn bản số 1752/ UBND-GPMB ngày 18-11-2016 của UBND huyện C. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện C, ông Đỗ B tiếp tục khiếu nại lần hai tới Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội. Căn cứ báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại số 1880/BC-TTTP-P2 ngày 22-6-2017; Văn bản số 2824/TTTP-P2 ngày 18-8-2017 của Thanh tra Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6276/QĐ-UBND ngày 07-9-2017, về việc Giải quyết khiếu nại của ông Đỗ B, theo đó đã quyết định: Giao UBND huyện C lập, phê duyệt phương án điều chỉnh mức hỗ trợ đối với công trình xây dựng của hộ ông Đỗ B theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 của UBND Thành phố (điều chỉnh giảm mức hỗ trợ từ 80% xuống còn 50% giá trị công trình xây dựng trên đất). Sau khi có Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội, UBND huyện C đã giao UBND xã N xác nhận lại nguồn gốc đất cho hộ ông Đỗ B. Ngày 05-10-2017, UBND xã N đã có Giấy xác nhận về việc sử dụng đất, các tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình ông Đỗ B. Sau đó, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 3004/QĐ-UBND và

Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24-5-2018, về việc thu hồi đất và Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Đỗ B.

Ông Đỗ B không khởi kiện đề nghị xem xét đối với các Quyết định này. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại các Điều 22, Điều 28, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Điều 69 Luật Đất đai 2013; Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại 2011, việc các cơ quan hành chính nhà nước ban hành các Quyết định này là đúng thẩm quyền, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Nội dung kiến nghị và khiếu nại của ông Đỗ B được đề cập tại Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 25-4-2016 và Văn bản số 1752/UBND-GPMB ngày 18-11-2016 của UBND huyện C; cũng như tại Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 của Chủ tịch UBND huyện C, về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 6276/QĐ-UBND ngày 07-9-2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội, về việc giải quyết khiếu nại (lần hai), đã được UBND huyện C cụ thể bằng các Quyết định số 3004/QĐ-UBND và Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24-5-2018, về việc thu hồi đất và Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Đỗ B. Các Quyết định số 3004/QĐ-UBND và Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24-5-2018 của UBND huyện C đã bị khiếu kiện và đã được xem xét phân tích nêu trên.

Do không có căn cứ để xác định các Quyết định hành chính bị khiếu kiện trong vụ án là trái pháp luật, nên không có cơ sở để xác định các Quyết định hành chính có liên quan, bao gồm: Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 25-4-2016 và Văn bản số 1752/UBND-GPMB ngày 18-11-2016 của UBND huyện C; Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định số 6276/QĐ-UBND ngày 07-9-2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội là trái pháp luật.

[6]. Với các căn cứ nêu trên, việc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ B là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của ông Đỗ B không có cơ sở, nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7]. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Ông Đỗ B kháng cáo không được chấp nhận, nhưng là người cao tuổi, nên cấp phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ B.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 348/2020/HC-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Về án phí: Ông Đỗ B không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các Đương sự;(theo Địa chỉ)
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Đình Lực